TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày 19/09/2018
V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Diễn, ông Hoàng Công Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 19/09/2018, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 18/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 13/07/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1966; trú tại số n, đường B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1971, vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1976 (là vợ anh H), có mặt; các đương sự cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị C trình bày:

Chị và vợ chồng anh Nguyễn Xuân H quen biết nhau. Chị cho anh Nguyễn Xuân H vay các khoản tiền sau:

- Ngày 12/04/2015 cho vay 2.000 EURO, tương đương tại thời điểm xét xử là 54.004.300đ và 04 triệu đồng Việt Nam;
- Ngày 21/05/2015 cho vay 50 triệu đồng;
- Ngày 29/05/2016 cho vay 28 triệu đồng;

03 khoản vay trên đều có giấy biên nhận do anh H ký và nhận tiền, trong giấy biên nhận không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất mà hai bên thỏa thuận miệng khi nào chị cần và yêu cầu trả gốc thì anh Nguyễn Xuân H sẽ trả;

còn lãi thì trả hàng tháng với lãi suất 0,75%/tháng. Sau khi cho vay đến khoảng cuối năm 2017 chị đã đòi nhiều lần nhưng anh H không có tiền trả. Từ khi vay cho đến nay anh Nguyễn Xuân H chưa trả được đồng nào tiền gốc. Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả cho chị 03 khoản vay trên. Quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu trả lãi, nhưng đến phiên tòa chị không yêu cầu trả lãi đối với 03 khoản vay trên. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án vì anh Nguyễn Xuân H không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì chị không biết, nên chị đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật và chị đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của anh Nguyễn Xuân H trong các giấy biên nhận tiền, các chi phí tố tụng trên chị đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Xuân H vắng mặt ở nơi thường trú, không trình bày hay phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Xuân H, do vợ chồng chị làm ăn khó khăn, bị vỡ nợ nên anh Nguyễn Xuân H bỏ đi khỏi địa phương, địa chỉ cụ thể chị không biết, chị đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh Nguyễn Xuân H, chị đã thông báo cho anh H biết, nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày. Việc anh H vay tiền của chị Phạm Thị C chị không biết và cũng không biết anh H dùng vào việc gì, nên chị không có trách nhiệm gì đối với khoản vay này. Tại phiên tòa chị đã được xem giấy biên nhận vay tiền giữa anh H và chị C, chị xác định chữ ký trong giấy biên nhận đúng là chữ ký của anh Nguyễn Xuân H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 92 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị C số tiền 82 triệu đồng và 2.000USD tương đương 54.004.300đ; tổng cộng là 136.004.300đ. Đối với tiền án phí, chi phí giám định và đăng tin đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hiện anh Nguyễn Xuân H không có mặt ở nơi cư trú. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên báo công lý và Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định nhưng cho đến phiên tòa anh Nguyễn Xuân H vẫn vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn

Chị Phạm Thị C đã căn cứ vào 03 giấy biên nhận tiền có chữ ký của anh Nguyễn Xuân H để khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay là có căn cứ bởi lẽ: Tại phiên tòa chị Hoàng Thị H là vợ anh H xác định chữ ký trong giấy biên nhận do chị Phạm Thị C xuất trình đúng là chữ ký của anh Nguyễn Xuân H. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký của anh H trong hồ sơ vụ án và kết luận giám định đã xác định chữ ký của anh H thì tại giấy biên nhận năm 2015 đối với vụ án dân sự thụ lý số 02 ngày 04/01/2018, chị Hoàng Thị H cũng đã thừa nhận chữ ký của hai vợ chồng trong giấy biên nhận đó là đúng, và lấy đó làm mẫu so sánh đã xác định các chữ ký trong giấy biên nhận do chị Phạm Thị C xuất trình đều do một người viết ra. Do vậy, việc chị Phạm Thị C căn cứ vào 03 giấy biên nhận trên để yêu cầu anh Nguyễn Xuân H trả số tiền 82 triệu đồng và 2.000 EURO (giá 01 EURO ngày 19/09/2018 là 27.002,16đ/1EURO) tương đương 54.004.300đ tổng cộng là 136.004.300đ là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình giải quết vụ án chị yêu cầu bị đơn trả lãi nhưng tại phiên tòa chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Việc anh Nguyễn Xuân H không có lời trình bày, không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Hội đồng xét xử đã căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[3] Án phí và các chi phí tố tụng

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.800.200đ. Trả cho chị Phạm Thị C 3.200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001209 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đối với chi phí giám định, nguyên đơn yêu cầu và tạm ứng nộp số tiền

4.500.000đ, tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự quy định người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ.

Trong vụ án này nguyên đơn yêu cầu giám định kết quả giám định là có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định mà bị đơn phải chịu tiền chi phí giám định là 4,5 triệu đồng; nguyên đơn đã tạm ứng nộp số tiền giám định là 4,5 triệu đồng, nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền giám định nêu trên. Nguyên đơn phải chịu chi phí tiền thông báo tìm kiếm là 2.850.000đ xác nhận đã nộp đủ.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị C 82 triệu đồng Việt Nam và 2.000 EURO (giá 01 EURO ngay 19/09/2018 là 27.002,16đ/1EURO) tương đương 54.004.300đ, tổng cộng là **136.004.300đ** *(Một trăm ba sáu triệu không trăm linh bốn nghìn ba trăm đồng chẵn)*.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí và chi phí tố tụng

Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 6.800.200đ án phí dân sự và phải chịu 4.500.000đ tiền chi phí giám định; chị Phạm Thị C đã tạm ứng nộp số tiền trên nên anh Nguyễn Xuân H phải trả cho chị C số tiền giám định là 4.500.000đ.

Chị C phải chịu 2.850.000đ tiền thông báo tìm kiếm xác nhận đã nộp đủ. Trả lại chị C 3.200.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001209 ngày 18/01/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm công khai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKS và THADS huyện G;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Đăng Phong